

**PHỤ LỤC DANH MỤC TÀI SẢN MUA BẢO HIỂM CHÁY, NỔ BẮT BUỘC NĂM 2025  
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y - DƯỢC ĐÀ NẴNG  
(Kèm theo yêu cầu báo giá ngày 16/6/2025)**

TT	Danh mục	Đơn vị quản lý	Mã Số tài sản	Giá trị còn lại
<b>I</b>	<b>CƠ SỞ I</b>			
1	Hệ thống PCCC gồm: 1 TT báo cháy tự động 5 kênh-YF3-0005L-Yunyang; 1 máy bơm Deizel - Hyundai; 1 máy bơm bù-PENTAX; 1 nguồn dự phòng 24VDC; 8 cuộn vòi D50 và 2 D65; 8 lăng phun D13 và 2 D19; 12 bình khí CO2 MT3; 12 bình bột MFZ4; 3 đồng hồ đo áp lực	Phòng TC - HC	PCCCNHAC-BV.22	135.808.917
2	Hệ thống PCCC gồm: 1 tủ trung tâm; 1 tủ điều khiển; 1 bình tích áp; 2 máy bơm; 1 máy bơm bù; 28 bình chữa cháy; 14 bình CO2; 2 bình xe đẩy; 14 vòi; 14 lăng phun.	Phòng TC - HC	PCCCTLS.22	190.203.181
3	Nhà Trung tâm Chẩn đoán Y khoa (Khu A)	Phòng TC - HC	NTT	43.349.909.545
4	Nhà giảng đường, hiệu bộ và các bộ môn (7 tầng - Khu B)	Phòng TC - HC	N3	48.809.834.524
5	Nhà giảng đường, lớp học (4 tầng- Khu C)	Phòng TC - HC	N4	13.795.526.529
6	Nhà Trung tâm Kiểm định và bảo trì thiết bị Y tế (Khu D)	Phòng TC - HC	NTB	16.113.368.976
7	Nhà thực tập tiền lâm sàng (Khu E)	Phòng TC - HC	NHATTTLS	3.282.017.749
8	Nhà thực tập tiền lâm sàng (nhà F)	Phòng TC - HC	N2	1.899.275.570
9	Khu thực hành Tiền lâm sàng - Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng	Phòng TC - HC	KHUTHTLS.22- QUY.2 KHUTHTLS.22.NS	33.795.302.939
10	Máy phát điện dự phòng Diezen 3 pha 220/380V-200 KVA; C25005/Cummins kèm Vô chống ồn	Phòng TC - HC	MPDDPTLS.22	1.036.992.277
11	Hệ thống kỹ thuật thu gom và xử lý nước thải (Hệ thống đường ống trạm) cơ sở 1	Phòng TC - HC	KTXLNTCS1.22	1.122.757.714
12	Hệ thống xử lý nước thải CS1 gồm : 2 bộ bơm thu gom, 2 bộ bơm chìm nước thải bể điều hòa, 1 HT phân phối khí thô, 2 cụm TB xử lý, 2 bộ máy thổi khí cạn, 1 bồn hóa chất, 2 bộ bơm định lượng, 1 bộ tủ điện	Phòng TC - HC	XLNTCS1.22	3.234.681.642
13	Thang máy tải khách hiệu SANYO(malaysia), 800 Kg, tốc độ 1,5 m/s	Phòng TC - HC	TMSANYOTLS-01.22	795.614.452
14	Thang máy tải khách hiệu SANYO(malaysia), 800 Kg, tốc độ 1,5 m/s	Phòng TC - HC	TMSANYOTLS-02.22	795.614.452

BỘ

TT	Danh mục	Đơn vị quản lý	Mã Số tài sản	Giá trị còn lại
15	Máy chủ chạy cơ sở dữ liệu Asus RS700-E10-RS12U-5318Y012Z	Trung tâm CNTT-TT&TV	SM01-2023	168.300.000
16	Máy chủ ứng dụng Asus RS700-E10-RS12U-4310043Z	Trung tâm CNTT-TT&TV	SM02-2023	221.100.000
17	Điều hòa không khí gồm: 2 ĐHCB âm trần; 1 quạt cấp gió 1600m <sup>3</sup> /H, 10 quạt 1100m <sup>3</sup> /H; 1 quạt hút khói; 15 ĐH cục bộ gắn tường 24,000 BTU/h, 27 ĐH 18,000 BTU/h, 13 ĐH 9000 BTU/h.	TT. HLKN Tiền lâm sàng	ĐHKKTLS.22	1.216.129.021
18	Mô hình giải phẫu cơ toàn thân 3B Scientific-1001235	TT. HLKN Tiền lâm sàng	VN14-2023	516.000.000
19	Mô hình nghe tiếng tim, tiếng phổi, âm ruột ở nhi khoa 1020096 (kèm MT xách tay)	TT. HLKN Tiền lâm sàng	VN115-2022	770.250.000
20	Nội thất phòng mô phỏng mổ gồm: 1 tủ đựng DC; 1 đèn soi phim XQ; 1 đồng hồ mổ; 4 ổ cắm; 2 cửa lùa; 2 cửa trượt kéo; 1 tủ biến áp y tế; 8 tủ hồ sơ; 14 đèn chiếu; 2 bàn sofa; 28 học di động.	TT. HLKN Tiền lâm sàng	NTPMPMTLS.22	761.337.936
21	Hệ thống mô hình huấn luyện thực hành phẫu thuật và chăm sóc sau mổ	TT. HLKN Tiền lâm sàng	5730-QCL2020(HPET)	1.241.772.342
22	Mô hình thu, tạo và phát tiếng tim tự động 1020108 (kèm MD điều khiển, MT xách tay, cáp)	TT. HLKN Tiền lâm sàng	VN116-2022	1.475.500.000
23	Mô hình mô phỏng sản phụ khoa (kèm 2 máy tính bảng có cài pm)	Khoa Y	5731-QCL2020(HPET)	936.520.066
24	Máy đo ghi biểu đồ dao động tim ếch UKS-01 (kèm bể chứa, cặp điện cực, bút, ghim, đôn, quả cân, giấy, dao, kéo, kẹp, bộ đựng DC)	Khoa Y	XNK26-2022	349.181.182
25	Mô hình chăm sóc sản phụ trước và sau khi sinh	Khoa Y	5733-PMT2020(HPET)	339.106.915
26	Mô hình nghe tim phổi người lớn có kết nối máy tính #B Scientific-1020095	Khoa Điều dưỡng	VN02-2023	885.000.000
27	Mô hình nghe tim phổi người lớn có kết nối máy tính #B Scientific-1020095	Khoa Điều dưỡng	VN03-2023	885.000.000
28	Máy điện di huyết sắc tố tự động Minicap Flex Piercing (kèm Bộ bình chứa dung dịch; nước, khay cốc ống ly, dây nguồn, kit hóa chất, máy vi tính, in màu)	Khoa Xét nghiệm Y học	TD26-2022	955.435.000
29	Máy điều trị bằng sóng xung kích (thân máy)	Khoa Phục hồi chức năng	5495.2-FL2018	147.635.000
30	Máy điều trị bằng sóng xung kích (xe đẩy)	Khoa Phục hồi chức năng	5495.1-FL2018	24.665.000
31	Máy X-quang răng toàn cảnh	Bộ môn Hình ảnh y học	5534.1-VL2018	56.197.500
32	Máy X-quang răng toàn cảnh	Bộ môn Hình ảnh y học	5534.2-VL2018	181.177.500

TRU  
ĐẠI  
THU  
ĐẠI

TT	Danh mục	Đơn vị quản lý	Mã Số tài sản	Giá trị còn lại
33	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động $\geq 400$ test/giờ (kèm máy tính, máy in, bộ lưu điện, bộ xử lý nước, bộ hóa chất thử, bộ hóa chất chuẩn, 1000 cốc, dung dịch)	Khoa Xét nghiệm Y học	KK104-2021	1.292.500.000
34	Máy xét nghiệm huyết học tự động $\geq 29$ thông số (phân tích 5 thành phần bạch cầu)	Khoa Xét nghiệm Y học	5619-AV2019	311.010.000
35	Mô hình huấn luyện chụp X quang Adam Rouilly-AR10A	Khoa Phục hồi chức năng	VN09-2023	682.500.000
36	Máy điều trị từ trường siêu dẫn Salus Talent A (Dây dẫn, Tay đỡ)	Khoa Phục hồi chức năng	TD27-2022	440.345.454
37	Hệ thống tập đa năng có chức năng loại bỏ tải trọng động (kèm khung, trụ, ghế, thanh, 2 tay cầm, điều khiển, từ xa, cân, đai NL, trẻ em, Pin, Sạc, cân, thảm, phần M. điện xung)	Khoa Phục hồi chức năng	KK106-2021	882.420.000
38	Máy CT scanner 32 lát cắt	Bộ môn Hình ảnh y học	5730-KK2020	5.993.100.000
39	Máy siêu âm doppler màu 4 chiều	Bộ môn Hình ảnh y học	5458-FL2018	481.325.000
<b>II</b>	<b>CƠ SỞ II</b>			
1	Nhà giảng đường	Phòng TC - HC	5785-CS2	60.316.031.697
2	Nhà ký túc xá	Phòng TC - HC	5812-CS2-QUY 5811-CS2	23.979.032.338
3	Nhà bảo vệ (Nhà trực bảo vệ, cổng, tường rào)	Phòng TC - HC	5820-CS2	2.235.758.890
4	Nhà để xe	Phòng TC - HC	5819-CS2-QUY	1.032.578.656
5	Nhà nuôi xúc vật thí nghiệm CS 2	Phòng TC - HC	NNXV-CS 2-QPT	234.305.092
6	Hệ thống kỹ thuật thu gom và xử lý nước thải (Hệ thống đường ống trạm) cơ sở 2	Phòng TC - HC	KTXLNTCS2.22	1.285.577.634
7	HT xử lý nước thải CS2 gồm : 2 bộ bơm thu gom, 2 bộ bơm chìm nước thải bể điều hòa, 1 HT phân phối khí thô, 2 cụm TB xử lý, 2 bộ máy thổi khí cạn, 1 bồn hóa chất, 2 bộ bơm định lượng, 1 bộ tủ điện	Phòng TC - HC	XLNTCS2.22	3.777.847.556
8	Thang máy tải khách, tải trọng 630kg	Phòng TC - HC	5782-CS2	371.051.885
9	Thang máy tải khách, tải trọng 630kg	Phòng TC - HC	5781-CS2	371.051.885
10	Thang máy tải khách, tải trọng 800kg	Phòng TC - HC	5789-CS2	339.000.000
11	Thang máy tải khách, tải trọng 800kg	Phòng TC - HC	5788-CS2	339.000.000
12	Máy sấy tạo hạt, bao phim tăng sôi (kèm Bộ súng phun định, đáy, bơm nhu, DC lắp đặt)	Khoa Dược	FL04-2021	884.950.000

TT	Danh mục	Đơn vị quản lý	Mã Số tài sản	Giá trị còn lại
13	Máy tạo Liposome bào chế thuốc (đồng hóa áp lực cao) EF-C5 (kèm Buồng mẫu, bộ phụ kiện, bình khí)	Khoa Dược	FL07-2022	891.220.910
14	Máy chuẩn độ điện thế SI Analytics - TitroLine 7800, Type No: TL7800-Titrisoft, code: 285221030 (kèm theo máy khuấy từ TM235, bàn phím TZ 3835, máy tính để bàn và máy in tiêu chuẩn)	Khoa Dược	PT45-2023	695.625.000
15	Máy đo độ phân cực chất lỏng AP300 (kèm phân cực kế, ống đo)	Khoa Dược	FL03-2022	380.101.090
16	Máy đo độ hòa tan 6 vị trí DIS 600i (kèm cốc, trục, cánh, bộ giỏ)	Khoa Dược	FL02-2022	400.650.545
17	Hệ thống đánh giá giải phóng thuốc qua màng (kèm Máy khuấy từ, Giá giữ, 6 Ống, 6 Que, Bể, Xy lanh, Hộp màng, Bộ dụng cụ )	Khoa Dược	FL03-2021	434.830.000
18	Máy chiết siêu âm dược liệu dung tích 10 lít Chin Ying Fa - CYF-TES600N	Khoa Dược	PT44-2023	352.125.000
19	Máy đo độ trơn chảy của bột BEP 2 (kèm TB đo, ống, phễu, BP khuấy, cân, TB tạo góc, TB cắt, bộ tiếp đất...)	Khoa Dược	FL05-2022	380.675.454
20	Nồi hấp tiệt trùng $\geq 100$ lít MEDDA-TK 08.100 - NH (kèm theo bơm hút chân không, máy in nhiệt đã tích hợp, khay dụng cụ)	Khoa Dược	PT20-2023	89.625.000
<b>Tổng cộng</b>				<b>288.361.455.015</b>